

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 273/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2024

V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại về sức khỏe và tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Văn Khương.

Ông Trần Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án số: 464/2024/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 372/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

1.2. Ông E. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông T. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2.2. Bà K. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2.3. Bà H. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2.4. Ông M. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn bà L, ông E trình bày:** Vào trưa ngày 18/11/2023, bà L, ông E có đến nhà bà Q tại ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để uống rượu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, ông T, bà K, bà H, ông M đi đến nhà bà Q xông vào đánh nhau với bà L, ông E. Khi đó bà L đang hát karaoke không có sự phòng bị và ông E là người vô can trong sự việc cũng đều bị hành hung dẫn đến chấn thương phần mềm tại một số nơi trên cơ thể. Trong lúc ông T, bà K, bà H, ông M dùng vũ lực hành hung bà L thì bà L phát hiện bị mất một số tài sản mà bà L đang đeo trên người gồm 01 chiếc lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K. Sự việc hai bên xảy ra xô xát như trên có bà Q là chủ nhà chứng kiến và đã được Công an làm việc với bà L 04 lần, ông E 03 lần và bà L, ông E đã trình bày rõ ràng, đầy đủ về các tình tiết có liên quan đến sự việc. Lời trình bày của bà L, ông E tại các Biên bản này là đúng sự thật và do bà L, ông E tự nguyện trình bày, không bị ai ép buộc, chữ ký trong các Biên bản này đúng là chữ ký của bà L, ông E. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến việc gia đình bà H, ông M đánh gây thương tích cho bà L, ông E là do trước đó vào tháng 9/2022 bà L và bà H có cự cãi với nhau qua điện thoại, chứ không việc đánh ghen gì ở đây. Việc bị ông T, bà K, bà H, ông M hành hung đã gây thiệt hại cho bà L, ông E như sau:

Đối với bà L: *Về sức khỏe*, sau khi bị hành hung, bà L phải đi điều trị thương tích. Bà L nhập viện và xuất viện trong ngày 20/11/2023 tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ với chuẩn đoán: Di chứng tổn thương đầu; nhập viện tại Trạm y tế xã B từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023. Tiền viện phí và tiền thuốc là 4.065.400 đồng (có hóa đơn kèm theo); Tiền công lao động trong những ngày nằm viện từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023 là 300.000 đồng x 07 ngày = 2.100.000 đồng; Tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần là 02 tháng x 1.800.000 đồng = 3.600.000 đồng. *Về tài sản*, bà L bị mất 01 chiếc lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K có giá trị tạm tính theo giá thị trường là 05 chỉ vàng 24K x 7.260.000 đồng/chỉ = 36.300.000 đồng; 01 đôi bông tai trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K có giá trị tạm tính theo giá thị trường là 0,5 chỉ vàng 18K x 5.380.000 đồng/chỉ = 2.690.000 đồng. Tổng cộng là 48.755.400 đồng.

Đối với ông E: *Về sức khỏe*, sau khi bị hành hung, ông E phải đi điều trị thương tích. Ông E nhập viện và xuất viện trong ngày 23/11/2023 tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ với chuẩn đoán: Di chứng tổn thương đầu; nhập viện tại Trạm y tế xã B từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023. Tiền viện phí và tiền thuốc là 1.971.600 đồng (có hóa đơn kèm theo); Tiền công lao động trong những ngày nằm viện từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023 là 300.000 đồng x 07 ngày = 2.100.000 đồng; Tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần là 02 tháng x 1.800.000 đồng = 3.600.000 đồng. Tổng cộng là 7.671.600 đồng.

Như vậy, số tiền mà bà L, ông E yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M phải bồi thường thiệt hại cho bà L, ông E là 48.755.400 đồng + 7.671.600 đồng = 56.427.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024, bà L, ông E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho bà L,

ông E với số tiền là 56.427.000 đồng; đồng thời, yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M công khai xin lỗi bà L, ông E.

Theo biên bản hòa giải ngày 18/7/2024, bà L, ông E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M công khai xin lỗi bà L, ông E.

Theo biên bản lấy khai ngày 25/7/2024, bà L, ông E xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện như sau:

- Đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về tài sản: Những người lấy vàng của bà L, ông E là ông T, bà K, bà H. Do đó, bà L, ông E yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 38.990.000 đồng (không yêu cầu đối với ông M).

- Đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà L: Những người đánh gây thương tích cho bà L là ông T, bà K, bà H. Do đó, bà L yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà L với số tiền là 9.765.400 đồng (không yêu cầu đối với ông M).

- Đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về sức khỏe của ông E: Những người đánh gây thương tích cho ông E là ông T, bà K, bà H, ông M. Do đó, ông E yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông E với số tiền là 7.671.000 đồng.

Về yêu cầu phản tố về bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà K thì bà L, ông E không đồng ý bồi thường, vì bà K bị thương tích phải điều trị là do bà K tự té dẫn đến thương tích chứ bà L, ông E không có đánh bà K.

*** Theo đơn phản tố đề ngày 24/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà K trình bày:** Vào ngày 18/11/2023, giữa bà K, bà L, ông E có xảy ra xô xát, nguyên nhân là do mẹ bà K là bà H đánh ghen bà L. Trước đây bà L có qua lại tình cảm với cha bà K là ông M, dù gia đình bà K có bằng chứng và có yêu cầu, cảnh báo bà L chấm dứt việc qua lại với ông M, nhưng bà L vẫn tiếp tục nói chuyện điện thoại qua lại với ông M dẫn đến việc bà H không kiềm chế được bản thân nên đã xô xát với bà L.

Khoảng 14 giờ ngày 18/11/2023, bà K có chở bà H lên nhà người bà con chơi. Khi đi đến nơi thì không có ai ở nhà, bà H thấy nhà bà Q ở kế bên đang hát karaoke nên bước qua xem thì thấy bà L đang ngồi nhậu ở đó. Do bà K đậu xe ở ngoài lộ nên không biết bà H với bà L đánh nhau ra sao, chỉ khi nghe bà H la lên “*K ơi, con L đánh mẹ*” thì bà K mới chạy vào can. Lúc này bà L mới đánh bà K, trong lúc 03 người đang xô xát với nhau thì ông E từ đâu chạy vào xô bà K ra rồi đánh bà K. Ông E xô bà K té xuống nền gạch, đánh bà K rồi nắm tóc ấn đầu bà K xuống gạch nhiều cái dẫn đến đầu bà K bị chấn thương chấn động não và té da đầu khoảng 02 cm và phải may 02 mũi, ông E còn bứt đứt hết nút áo của bà K. Ông T biết tin có xô xát nên chạy vào xô ông E ra để kéo bà K ra ngoài lộ. Sự việc hai bên xảy ra xô xát như trên đã được Công an làm việc với bà K 03 lần và bà K đã trình bày rõ ràng, đầy đủ về các tình tiết có liên quan đến sự việc. Lời trình bày của bà K tại các Biên bản này là đúng sự thật và do bà K tự nguyện trình bày, không bị ai ép buộc, chữ ký trong các Biên bản này đúng là chữ ký của bà K.

Việc xô xát giữa hai bên là điều không ai mong muốn, nhưng bà K bị bà L, ông E đánh thì bà K cũng bị xâm hại về sức khỏe. Sau khi bị hành hung, bà K phải nhập viện điều trị tại Bệnh viện Quân y 121 từ ngày 18/11/2023 đến ngày 24/11/2023 với chẩn đoán: S06.0 - Chấn động não + Vết thương phần mềm vùng cằm, khai do bị đánh. Tổng tiền viện phí, tiền thuốc men và chi phí đi lại, ngày công bị mất, tổn thất tinh thần... là 15.223.870 đồng, cụ thể như sau: Tiền viện phí và tiền thuốc (có y chứng kèm theo đơn) là 3.823.870 đồng; Tiền công lao động của người bệnh từ ngày 18/11/2023 đến ngày 24/11/2023 300.000 đồng x 07 ngày nằm viện là 2.100.000 đồng; Tiền công lao động của người nuôi bệnh 300.000 đồng x 07 ngày là 2.100.000 đồng; Tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 04 tháng x 1.800.000 đồng là 7.200.000 đồng.

Theo đơn phản tố đề ngày 24/5/2024, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 15.223.870 đồng.

Theo biên bản lấy khai ngày 26/7/2024, bà K xác định cụ thể yêu cầu phản tố như sau: Đối với yêu cầu phản tố về bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà K: Người đánh gây thương tích cho bà K là ông E. Do đó, bà K yêu cầu ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 15.223.870 đồng (không yêu cầu đối với bà L).

Về yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về tài sản của bà L, ông E thì bà K không đồng ý bồi thường, vì Công an đã điều tra và cho rằng không có đủ căn cứ để xác định bà K có lấy vàng của bà L, ông E. Trong Thông báo số 487/TB-ĐTTH của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách xác định hành vi đánh nhau qua lại bằng tay giữa bà K, bà L, ông E không đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích chứ không nhắc đến việc số vàng của bà L, ông E bị mất có liên quan đến bà K. Về yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà L, ông E thì bà K đồng ý bồi thường tiền công lao động của người bệnh 07 ngày từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023 là 4.200.000 đồng và tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 02 tháng là 7.200.000 đồng; riêng về tiền thuốc thì bà K chỉ đồng ý bồi thường theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Về việc bà L, ông E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà K công khai xin lỗi bà L, ông E thì bà K không có ý kiến.

*** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày:** Sự việc hai bên xảy ra xô xát như trên đã được Công an làm việc với ông T 03 lần và ông T đã trình bày rõ ràng, đầy đủ về các tình tiết có liên quan đến sự việc. Lời trình bày của ông T tại các Biên bản này là đúng sự thật và do ông T tự nguyện trình bày, không bị ai ép buộc, chữ ký trong các Biên bản này đúng là chữ ký của ông T. Về yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản của bà L, ông E thì ông T không đồng ý bồi thường, vì ông T không có đánh bà L, ông E và cũng không có lấy vàng của bà L, ông E. Về việc bà L, ông E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T công khai xin lỗi bà L, ông E thì ông T không có ý kiến.

*** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H trình bày:** Sự việc hai bên xảy ra xô xát như trên đã được Công an làm việc với bà H 04 lần và

bà H đã trình bày rõ ràng, đầy đủ về các tình tiết có liên quan đến sự việc. Lời trình bày của bà H tại các Biên bản này là đúng sự thật và do bà H tự nguyện trình bày, không bị ai ép buộc, chữ ký trong các Biên bản này đúng là chữ ký của bà H. Về yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về tài sản của bà L, ông E thì bà H không đồng ý bồi thường, vì bà H không có lấy vàng của bà L, ông E. Về yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà L, ông E thì bà H chỉ đồng ý bồi thường các khoản tiền thuốc theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ; riêng về tiền công lao động của người bệnh và tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần thì bà H không đồng ý bồi thường, vì bà L, ông E không có nằm viện điều trị và không có tổn thất về tinh thần. Về việc bà L, ông E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H công khai xin lỗi bà L, ông E thì bà H không có ý kiến.

*** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông M trình bày:** Sự việc hai bên xảy ra xô xát như trên đã được Công an làm việc với ông M 02 lần và ông M đã trình bày rõ ràng, đầy đủ về các tình tiết có liên quan đến sự việc. Lời trình bày của ông M tại các Biên bản này là đúng sự thật và do ông M tự nguyện trình bày, không bị ai ép buộc, chữ ký trong các Biên bản này đúng là chữ ký của ông M. Về yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về tài sản của bà L, ông E thì ông M không đồng ý bồi thường, vì ông M không có lấy vàng của bà L, ông E. Về yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về sức khỏe của ông E thì ông M đồng ý bồi thường tiền công lao động của người bệnh 07 ngày từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023 là 4.200.000 đồng và tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 02 tháng là 7.200.000 đồng; riêng về tiền thuốc thì ông M chỉ đồng ý bồi thường theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Về việc bà L, ông E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông M công khai xin lỗi bà L, ông E thì ông M không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L, ông E vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được rút lại một phần tại phiên hòa giải ngày 18/7/2024 và thay đổi một phần tại buổi lấy khai ngày 25/7/2024; bà K vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu phản tố đã được thay đổi một phần tại buổi lấy khai ngày 26/7/2024; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và buộc ông T, bà K, bà H phải liên đới bồi thường cho bà L; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông E về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và buộc ông T, bà K, bà H, ông M phải liên đới bồi thường cho ông E; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 38.990.000 đồng; Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M công khai xin lỗi bà L, ông E; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà K về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và buộc ông E phải bồi thường cho bà K; Mức bồi thường được tính toán dựa trên mức độ lỗi của

hai bên, tương ứng phía bà L, ông E là 30% và phía ông T, bà K, bà H, ông M là 70%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà L, ông E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 56.427.000 đồng và yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M công khai xin lỗi bà L, ông E; theo đơn phản tố, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 15.223.870 đồng; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông T, bà K, bà H, ông M là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B1, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Theo đơn khởi kiện, bà L, ông E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 56.427.000 đồng và yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M công khai xin lỗi bà L, ông E; tại phiên hòa giải ngày 18/7/2024, bà L, ông E rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M công khai xin lỗi bà L, ông E; tại buổi lấy khai ngày 25/7/2024, bà L, ông E thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó bà L, ông E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 38.990.000 đồng (không yêu cầu đối với ông M), bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà L với số tiền là 9.765.400 đồng (không yêu cầu đối với ông M), ông E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông E với số tiền là 7.671.000 đồng. Theo đơn phản tố, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 15.223.870 đồng; tại buổi lấy khai ngày 26/7/2024, bà K thay đổi một phần yêu cầu phản tố, theo đó bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 15.223.870 đồng (không yêu cầu đối với bà L). Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với

phản yêu cầu khởi kiện mà bà L, ông E đã rút; việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E và việc thay đổi một phần yêu cầu phản tố của bà K là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E và yêu cầu phản tố của bà K đã từng được xem xét, giải quyết tại hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan Công an; Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 486/TB-ĐTTH ngày 02/4/2024, Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 487/TB-ĐTTH ngày 02/4/2024, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 273/QĐ-ĐTTH ngày 02/4/2024, Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự số 498/TB-ĐTTH ngày 05/4/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách xác định “*Hành vi đánh nhau qua lại bằng tay của những người có liên quan trong vụ việc Cố ý gây thương tích, xảy ra ngày 18/11/2023 tại ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng với tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị K là 01%, bà L là 01% và ông E là 00%, không đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích, quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự*”; Thông báo kiểm sát quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 07/TB-VKS.KS ngày 05/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách xác định “*Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã áp dụng khoản 2 Điều 157 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là có căn cứ*” (BL số 329, 331, 337, 338, 339). Các đương sự thừa nhận lời trình bày về các tình tiết có liên quan đến sự việc trong quá trình làm việc với cơ quan Công an là do các đương sự tự nguyện trình bày, không bị ai ép buộc và các chữ ký trong các biên bản đúng là chữ ký của các đương sự. Như vậy, sự việc xô xát, đánh nhau giữa hai bên xảy ra vào ngày 18/11/2023 tại ấp A1, xã B1, huyện C đã được cơ quan Công an tiến hành xác minh, làm rõ, được các đương sự thừa nhận và cũng đã được xác định trong quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan Công an, cho nên đây là sự việc có thật. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự khẳng định ngoài các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cho Tòa án và do Tòa án đã thu thập được thì các đương sự không còn cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì khác; ngoài các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại đã đưa ra trong đơn khởi kiện và đơn phản tố thì các đương sự khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại nào khác; mức thu nhập trung bình của lao động tại địa phương trong khoảng thời gian bà L, ông E, bà K điều trị thương tích là 300.000 đồng/ngày; mức lương cơ sở hiện hành là 2.340.000 đồng/tháng nhưng các đương sự chỉ yêu cầu xem xét tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần theo mức lương là 1.800.000 đồng/tháng theo như nội dung đơn khởi kiện và đơn phản tố. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự của cơ quan Công an cùng các vấn đề được các đương sự thống nhất, thừa nhận nêu trên là các tình tiết, sự kiện mà các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, mức thu nhập là 300.000 đồng/ngày và mức lương là 1.800.000 đồng/tháng nêu trên để xem xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo nội dung đơn khởi kiện và đơn phản tố.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 38.990.000 đồng: Bà L, ông E cho rằng khi hai bên xô xát, đánh nhau vào ngày 18/11/2023 thì ông T, bà K, bà H có lấy các nữ trang mà bà L đang mang trên người gồm 01 chiếc lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K có giá trị là 38.990.000 đồng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà L, ông E không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về sự việc này; ông T, bà K, bà H cũng không thừa nhận có lấy vàng của bà L, ông E. Nếu ông T, bà K, bà H có hành vi lợi dụng hoàn cảnh hai bên đang xô xát, đánh nhau để lấy vàng của bà L, ông E thì hành vi này có dấu hiệu hình sự và cơ quan Công an đã đặt ra xem xét, xử lý trong hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm, nhưng theo hồ sơ này thì không có cơ sở để xác định được có sự việc này xảy ra và trong quyết định không khởi tố vụ án hình sự cũng không đề cập đến việc ông T, bà K, bà H có lấy vàng của bà L, ông E. Điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định: “Người yêu cầu bồi thường thiệt hại phải nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ”. Các khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...; Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do bà L, ông E không chứng minh được việc ông T, bà K, bà H có lấy vàng của bà L, ông E, nên chưa đủ yếu tố phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản của ông T, bà K, bà H đối với bà L, ông E. Từ đó, việc bà L, ông E khởi kiện yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 38.990.000 đồng, là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà L với số tiền là 9.765.400 đồng; yêu cầu khởi kiện của ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông E với số tiền là 7.671.000 đồng; yêu cầu phản tố của bà K về việc yêu cầu ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 15.223.870 đồng: Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan Công an, đã có cơ sở xác định vào ngày 18/11/2023 tại ấp A1, xã B1, huyện C xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân đã có từ trước mà bà L, ông E, ông T, bà K, bà H, ông M đã có hành vi xô xát, đánh nhau gây ra thương tích cho cả hai bên, dẫn đến việc sau đó bà L, ông E, bà K phải đến các cơ sở y tế để điều trị thương tích. Việc ông T cho rằng ông T không có đánh, gây thương tích cho bà L, ông E và bà L, ông E cho rằng bà L, ông E không có đánh, gây thương tích cho bà K đều không có căn cứ để chấp nhận. Những người đã có hành vi đánh, gây ra thương tích cho người khác bao gồm ông T, bà K, bà H đã có hành vi đánh, gây ra thương tích cho bà L; ông T, bà K, bà H, ông M đã có hành vi đánh, gây ra thương tích cho ông E; ông E đã có hành vi đánh, gây ra thương tích

cho bà K. Như vậy, việc hai bên xô xát, đánh nhau gây ra thương tích đã làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe của ông T, bà K, bà H đối với bà L; của ông T, bà K, bà H, ông M đối với ông E; của ông E đối với bà K theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 2, 3, 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 nêu trên.

[8] Về thiệt hại được xem xét bồi thường cho bà L: Bà L yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại cho bà L với số tiền là 9.765.400 đồng, bao gồm tiền thuốc là 4.065.400 đồng, tiền công lao động của người bệnh 07 ngày là 2.100.000 đồng, tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 02 tháng là 3.600.000 đồng. Xét từng khoản bồi thường thiệt hại cụ thể như sau: *Về tiền thuốc*, theo các hóa đơn, chứng từ hợp lệ mà bà L cung cấp gồm 08 Đơn thuốc từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023 của Trạm y tế xã B số tiền 945.600 đồng (BL số 101-108), 01 Hóa đơn bán hàng số 00025142 ngày 18/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy số tiền 228.900 đồng (BL số 51), 01 Biên nhận số 000006071483 ngày 20/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ số tiền 42.500 đồng (BL số 54), 01 Biên nhận số 000006072036 ngày 20/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ số tiền 685.000 đồng (BL số 53), 01 Hóa đơn bán hàng ngày 20/11/2023 của Nhà thuốc Trung Sơn 2 tại Cần Thơ số tiền 542.000 đồng (BL số 49), 01 Hóa đơn bán hàng ngày 23/11/2023 của Nhà thuốc Trung Sơn 2 tại Cần Thơ số tiền 185.000 đồng (BL số 48), 01 Hóa đơn bán hàng số 00097328 ngày 28/12/2023 của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ số tiền 200.000 đồng (BL số 50), tổng cộng là 2.829.000 đồng chứ không phải là mức 4.065.400 đồng theo như nội dung đơn khởi kiện của bà L, cho nên chỉ có cơ sở xem xét cho bà L tiền thuốc với mức là 2.829.000 đồng. *Về tiền công lao động của người bệnh*, tuy bà L không có nằm viện điều trị nhưng thực tế bà L có đi khám, chữa bệnh trong khoảng thời gian 07 ngày dẫn đến việc thu nhập của bà L bị mất hoặc bị giảm sút là 2.100.000 đồng, cho nên có cơ sở xem xét cho bà L tiền công lao động của người bệnh với mức là 2.100.000 đồng. *Về tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần*, việc bà L bị đánh, gây ra thương tích có làm tổn thất về mặt tinh thần cho bà L và việc bồi thường 02 tháng là phù hợp, cho nên có cơ sở xem xét cho bà L tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần với mức là 3.600.000 đồng. Như vậy, thiệt hại được xem xét bồi thường cho bà L tương ứng với số tiền là 2.829.000 đồng + 2.100.000 đồng + 3.600.000 đồng = 8.529.000 đồng.

[9] Về thiệt hại được xem xét bồi thường cho ông E: Ông E yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại cho ông E với số tiền là 7.671.000 đồng, bao gồm tiền thuốc là 1.971.600 đồng, tiền công lao động của người bệnh 07 ngày là 2.100.000 đồng, tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 02 tháng là 3.600.000 đồng. Xét từng khoản bồi thường thiệt hại cụ thể như sau: *Về tiền thuốc*, theo các hóa đơn, chứng từ hợp lệ mà ông E cung cấp gồm 08 Đơn thuốc từ ngày 20/11/2023 đến ngày 27/11/2023 của Trạm y tế xã B số tiền 955.600 đồng (BL số 109-116), 01 Hóa đơn bán hàng số 00025141 ngày 18/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy số tiền 197.100 đồng (BL số 60), 01 Biên nhận tạm ứng viện phí số 000006088228 ngày 23/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ số tiền 42.500 đồng (BL số 62), 01 Biên nhận tạm ứng viện phí số 000006089520 ngày

23/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ số tiền 617.000 đồng (BL số 63), 01 Hóa đơn bán hàng số 00097327 ngày 28/12/2023 của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ số tiền 200.000 đồng (BL số 64), tổng cộng là 2.012.200 đồng, cho nên có cơ sở xem xét cho ông E tiền thuốc với mức là 2.012.200 đồng; nội dung đơn khởi kiện ông E kê khai tiền thuốc với mức chỉ là 1.971.600 đồng, nhưng đây là số liệu do ông E tự tính toán nên không bảo đảm sự chính xác, việc xem xét cho ông E tiền thuốc với mức là 2.012.200 đồng do tính toán lại cho chính xác về mặt số liệu không được xem là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của ông E. *Về tiền công lao động của người bệnh*, tuy ông E không có nằm viện điều trị nhưng thực tế ông E có đi khám, chữa bệnh trong khoảng thời gian 07 ngày dẫn đến việc thu nhập của ông E bị mất hoặc bị giảm sút là 2.100.000 đồng, cho nên có cơ sở xem xét cho ông E tiền công lao động của người bệnh với mức là 2.100.000 đồng. *Về tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần*, việc ông E bị đánh, gây ra thương tích có làm tổn thất về mặt tinh thần cho ông E và việc bồi thường 02 tháng là phù hợp, cho nên có cơ sở xem xét cho ông E tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần với mức là 3.600.000 đồng. Như vậy, thiệt hại được xem xét bồi thường cho ông E tương ứng với số tiền là 2.012.200 đồng + 2.100.000 đồng + 3.600.000 đồng = 7.712.200 đồng.

[10] Về thiệt hại được xem xét bồi thường cho bà K: Bà K yêu cầu ông E bồi thường thiệt hại cho bà K với số tiền là 15.223.870 đồng, bao gồm tiền thuốc là 3.823.870 đồng, tiền công lao động của người bệnh 07 ngày là 2.100.000 đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh 07 ngày là 2.100.000 đồng, tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 04 tháng là 7.200.000 đồng. Xét từng khoản bồi thường thiệt hại cụ thể như sau: *Về tiền thuốc*, theo các hóa đơn, chứng từ hợp lệ mà bà K cung cấp gồm 01 Hóa đơn bán lẻ số TN23146519 ngày 18/11/2023 của Bệnh viện Quân y 121 số tiền 136.329 đồng (BL số 74), 01 Hóa đơn bán lẻ số TN23147935 ngày 21/11/2023 của Bệnh viện Quân y 121 số tiền 53.860 đồng (BL số 75), 01 Hóa đơn bán lẻ số TN23148563 ngày 23/11/2023 của Bệnh viện Quân y 121 số tiền 43.392 đồng (BL số 76), 01 Hóa đơn bán lẻ số TN23149592 ngày 24/11/2023 của Bệnh viện Quân y 121 số tiền 968.148 đồng (BL số 77), 01 Hóa đơn viện phí (chi tiết) số 805901 ngày 18/11/2023 của Bệnh viện Quân y 121 số tiền 2.042.141 đồng (BL số 78), 01 Hóa đơn viện phí (tổng hợp) số 809293 ngày 24/11/2023 của Bệnh viện Quân y 121 số tiền 580.000 đồng (BL số 79), tổng cộng là 3.823.870 đồng, cho nên có cơ sở xem xét cho bà K tiền thuốc với mức là 3.823.870 đồng theo như nội dung đơn phản tố của bà K. *Về tiền công lao động của người bệnh*, bà K có nằm viện điều trị trong khoảng thời gian 07 ngày dẫn đến việc thu nhập của bà K bị mất hoặc bị giảm sút là 2.100.000 đồng, cho nên có cơ sở xem xét cho bà K tiền công lao động của người bệnh với mức là 2.100.000 đồng. *Về tiền công lao động của người nuôi bệnh*, khi bà K nằm viện điều trị thì chồng bà K là ông Phạm Minh Thuận phải chăm sóc bà K trong khoảng thời gian 07 ngày dẫn đến thu nhập của ông Thuận bị mất là 2.100.000 đồng, cho nên có cơ sở xem xét cho bà K tiền công lao động của người nuôi bệnh với mức là 2.100.000 đồng. *Về tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần*, việc bà K bị đánh, gây ra thương tích có làm tổn thất về mặt tinh thần cho bà K và việc bồi thường 02 tháng là phù hợp chứ không phải là 04 tháng theo như nội dung đơn phản tố của bà K, cho nên chỉ có cơ sở xem xét cho bà K tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần với mức là 3.600.000 đồng. Như vậy, thiệt hại

được xem xét bồi thường cho bà K tương ứng với số tiền là 3.823.870 đồng + 2.100.000 đồng + 2.100.000 đồng + 3.600.000 đồng = 11.623.870 đồng.

[11] Về mức bồi thường: Việc xác định mức bồi thường cần xem xét, đánh giá mức độ lỗi của hai bên trong việc để xảy ra xô xát, đánh nhau. Vấn đề mâu thuẫn giữa hai bên đã có từ trước và cả hai bên đều biết rất rõ, lẽ ra với mối quan hệ họ hàng (ông E và bà H là anh em ruột; bà L là vợ của ông E; ông M là chồng bà H; bà K, ông T là con ruột của bà H, ông M) thì hai bên phải cùng ngồi lại với nhau để tìm kiếm các biện pháp ôn hòa nhằm hóa giải mâu thuẫn, nhưng hai bên lại lựa chọn cách sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, hệ quả là đã gây ra thương tích cho cả hai bên, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương và làm sút mẻ mối quan hệ họ hàng, cho nên cả hai bên đều có lỗi trong sự việc này. Tuy cả hai bên đều có lỗi nhưng phần lớn lỗi thuộc về phía ông T, bà K, bà H, ông M vì bà H đã chủ động đến gây sự với bà L trước dẫn đến xô xát, đánh nhau; sau đó, vì bênh vực, bảo vệ người thân của mình mà ông T, bà K, ông M, ông E cũng tham gia xô xát, đánh nhau. Phía bà L, ông E cũng có một phần lỗi, lẽ ra khi bị phía ông T, bà K, bà H, ông M đánh thì bà L, ông E có thể lựa chọn cách xử sự theo hướng không dùng vũ lực, chẳng hạn như bỏ đi nơi khác rồi sau đó trình báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bà L, ông E đã lựa chọn cách sử dụng vũ lực một cách không cần thiết để đánh trả lại phía ông T, bà K, bà H, ông M, cho nên không được xem là phòng vệ chính đáng. Từ cơ sở đó, Hội đồng xét xử xác định mức độ lỗi của phía bà L, ông E là 30% và phía ông T, bà K, bà H, ông M là 70%. Khoản 4 Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra”*, căn cứ vào mức độ lỗi thì ông T, bà K, bà H phải liên đới bồi thường cho bà L 70% thiệt hại tương ứng với số tiền là 8.529.000 đồng x 70% = 5.970.300 đồng (bà L không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tương ứng với số tiền là 3.795.100 đồng); ông T, bà K, bà H, ông M phải liên đới bồi thường cho ông E 70% thiệt hại tương ứng với số tiền là 7.712.200 đồng x 70% = 5.398.540 đồng (ông E không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tương ứng với số tiền là 2.272.460 đồng); ông E phải bồi thường cho bà K 30% thiệt hại tương ứng với số tiền là 11.623.870 đồng x 30% = 3.487.161 đồng (bà K không được chấp nhận một phần yêu cầu phản tố tương ứng với số tiền là 11.736.709 đồng). Do không đủ cơ sở để xác định được mức độ lỗi tương ứng của từng người bên phía ông T, bà K, bà H, ông M nên ông T, bà K, bà H, phải bồi thường cho bà L và ông T, bà K, bà H, ông M phải bồi thường cho ông E theo phần bằng nhau.

[12] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và buộc ông T, bà K, bà H phải liên đới bồi thường cho bà L số tiền là 5.970.300 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà L với số tiền là 3.795.100 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông E về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và buộc ông T, bà K, bà H, ông M phải liên đới bồi thường cho ông E số tiền là 5.398.540 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông E với số tiền là 2.272.460

đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà L, ông E với số tiền là 38.990.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H, ông M công khai xin lỗi bà L, ông E; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà K về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và buộc ông E phải bồi thường cho bà K số tiền là 3.487.161 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà K về việc yêu cầu ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 11.736.709 đồng.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L, ông E phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là $38.990.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.949.500 \text{ đồng}$ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E về bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 38.990.000 đồng không được Tòa án chấp nhận; ông E phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng đối với một phần yêu cầu phản tố của bà K về bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền là 3.487.161 đồng được Tòa án chấp nhận; ông T, bà K, bà H phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền là 5.970.300 đồng được Tòa án chấp nhận; ông T, bà K, bà H, ông M phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông E về bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền là 5.398.540 đồng được Tòa án chấp nhận; bà L, ông E, bà K được miễn nộp án phí sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E và một phần yêu cầu phản tố của bà K về bồi thường thiệt hại về sức khỏe không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 2, 3, 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông T, bà K và bà H bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà L.

Buộc ông T, bà K và bà H phải cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà L với số tiền là 5.970.300 đồng (*Năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn ba trăm đồng*); trong đó, ông T, bà K và bà H mỗi người phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà L với số tiền tương ứng là 1.990.100 đồng (*Một triệu chín trăm chín mươi nghìn một trăm đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông T, bà K và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Phần quyết định này của Bản án được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông T, bà K và bà H bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà L với số tiền là 3.795.100 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H và ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông E.

Buộc ông T, bà K, bà H và ông M phải cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông E với số tiền là 5.398.540 đồng (*Năm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi đồng*); trong đó, ông T, bà K, bà H và ông M mỗi người phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông E với số tiền tương ứng là 1.349.635 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông E đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông T, bà K, bà H và ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Phần quyết định này của Bản án được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H và ông M bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông E với số tiền là 2.272.460 đồng.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L và ông E về việc yêu cầu ông T, bà K và bà H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà L và ông E, đối với 01 chiếc lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K với số tiền tương ứng là 38.990.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L và ông E về việc yêu cầu ông T, bà K, bà H và ông M công khai xin lỗi bà L và ông E.

7. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà K về việc yêu cầu ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K.

Buộc ông E phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà K với số tiền là 3.487.161 đồng (*Ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi một đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà K đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến

khi thi hành xong, hàng tháng ông E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Phần quyết định này của Bản án được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

8. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà K về việc yêu cầu ông E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà K với số tiền là 11.736.709 đồng.

9. Về án phí sơ thẩm:

- Bà L và ông E phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.949.500 đồng (*Một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L và ông E đã nộp là 974.750 đồng (*Chín trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003794, ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L và ông E còn phải cùng nộp thêm án phí sơ thẩm với số tiền là 974.750 đồng (*Chín trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

- Ông E phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Ông T, bà K và bà H phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Ông T, bà K, bà H và ông M phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

10. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông E, bà K và ông M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với ông T và bà H thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (06);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt